

**BIỂU PHÂN BỐ KINH PHÍ CHO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ
PHÁT SINH NĂM 2023 (BỔ SUNG LẦN 5)**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nguồn kinh phí/Nhiệm vụ chi/Đơn vị thực hiện	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	2.343.469.000	
I	Nguồn Cải cách tiền lương năm 2023	237.931.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ	237.931.000	
-	Trường Cao đẳng Bắc Kạn	140.573.000	
-	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	97.358.000	
II	Nguồn sự nghiệp Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022 (đã chuyển nguồn sang năm 2023)	2.105.538.000	Chi tiết theo Phụ lục 01
-	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn	2.105.538.000	
+	Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng đối với diện tích thực hiện năm 2022 (đợt 2): 1.512,97 ha (12 tháng).	453.891.000	
+	Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng đối với diện tích thực hiện năm 2023: 4.231,64 ha (12 tháng).	1.269.492.000	
+	Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng phòng hộ cho 9 tháng đầu năm 2022: 2.757,30 ha (trong đó diện tích tại xã khu vực I là 838,4 ha, diện tích tại xã khu vực III là 1.918,9 ha)	382.155.000	

BIỂU PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG NĂM 2022 CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /10/2023 của UBND tỉnh)

TT	Hạng mục	Khối lượng (ha)	Số tháng hỗ trợ	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	Căn cứ áp dụng
I	Khối lượng đã thực hiện năm 2022	4.270,270			836,046	
1	Bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất thực hiện năm 2022 (đợt 2)	1.512,970	12 tháng	0,300	453,891	Điểm a, khoản 2, Điều 4 Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ Tài chính
2	Bảo vệ rừng tự nhiên phòng hộ thực hiện 9 tháng đầu năm 2022	2.757,300	9 tháng		382,155	Ý gạch ngang thứ 6 mục I.1 Công văn số 5412/BNN-TCLN ngày 17/8/2022 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Khoản 2 Điều 15 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; điểm a Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 75/2015/NĐ-CP 9/9/2015 của Chính phủ
-	<i>Xã Dương Phong - Bạch Thông (vùng I)</i>	<i>443,500</i>		<i>0,1125</i>	<i>49,894</i>	
-	<i>Xã Nông Hạ - Chợ Mới vùng I)</i>	<i>394,900</i>		<i>0,1125</i>	<i>44,426</i>	
-	<i>Xã Đôn Phong - Bạch Thông (Vùng III)</i>	<i>1.844,780</i>		<i>0,150</i>	<i>276,717</i>	
-	<i>Xã Cư Lễ - Na Rì (vùng III)</i>	<i>74,120</i>		<i>0,150</i>	<i>11,118</i>	
II	Khối lượng thực hiện năm 2023	4.231,640			1.269,492	
1	Bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất năm 2023	4.231,640	12 tháng	0,300	1.269,492	Điểm a, khoản 2, Điều 4 Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/4/2023 của Bộ Tài chính
TỔNG CỘNG					2.105,538	